



**VINUNIVERSITY**

## QUY ĐỊNH TÀI CHÍNH VÀ BIỂU PHÍ

Mã số : VU\_TS03.VN  
Đơn vị phát hành : Công ty TNHH Giáo dục và Đào tạo VinAcademy/Trường ĐH VinUni  
Ngày phát hành : 08/10/2025  
Phạm vi áp dụng : Toàn công ty/ Trường ĐH VinUni

---

## MỤC LỤC

<b>A. QUY ĐỊNH TÀI CHÍNH VÀ BIỂU PHÍ HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY</b>	<b>3</b>
<b>B. QUY ĐỊNH TÀI CHÍNH VÀ BIỂU PHÍ CHƯƠNG TRÌNH BÁC SỸ NỘI TRÚ</b>	<b>8</b>
<b>C. QUY ĐỊNH TÀI CHÍNH VÀ BIỂU PHÍ CHƯƠNG TRÌNH NGẮN HẠN</b>	<b>9</b>
<b>D. CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN HỌC PHÍ, HỌC BỔNG VÀ HỖ TRỢ TÀI CHÍNH</b>	<b>10</b>
<b>F. BIỂU PHÍ CÁC KHÓA HỌC VÀ DỊCH VỤ CỦA TRUNG TÂM MÔ PHỎNG</b>	<b>14</b>
<b>G. BIỂU PHÍ DỊCH VỤ KHAI THÁC CƠ SỞ VẬT CHẤT</b>	<b>16</b>
<b>H. BIỂU PHÍ SẢN PHẨM CỦA TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ 3D TRONG Y HỌC</b>	<b>19</b>

## A. QUY ĐỊNH TÀI CHÍNH VÀ BIỂU PHÍ HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY

### I. HỌC PHÍ NIÊM YẾT

- Học phí niêm yết là mức Học phí được ban hành theo khung chương trình chuẩn đã công bố tại thời điểm nhập học.
- Học phí đã bao gồm phí đào tạo, phí cơ sở vật chất, hệ thống CNTT hỗ trợ, hoạt động Sinh viên (*định hướng, dịch vụ y tế và tư vấn tâm lý học đường, cố vấn học tập, cố vấn nghề nghiệp, hội Sinh viên, câu lạc bộ, sự kiện thể thao-văn hóa*).
- Học phí niêm yết theo chương trình:

Đơn vị tính: VND

Chương trình	Thời gian học chuẩn (năm)	Học phí niêm yết theo năm học	Học phí niêm yết theo kỳ học	Học phí niêm yết theo tín chỉ (*)
Cử nhân Điều dưỡng	4	<b>349.650.000/năm</b>	174.825.000/kỳ học	9.780.000/tín chỉ
Bác sĩ Y khoa	6	<b>815.850.000/năm</b>	407.925.000/kỳ học	27.195.000/tín chỉ
Cử nhân khác	4	<b>815.850.000/năm</b>	407.925.000/kỳ học	27.195.000/tín chỉ

(\*) Học phí niêm yết theo tín chỉ được áp dụng trong các trường hợp:

- ✓ SV học bổ sung tín chỉ khi học cùng lúc hai chương trình (double degree) tại VinUni
- ✓ SV học bổ sung tín chỉ vượt quá khung chương trình đào tạo chuẩn đã công bố tại thời điểm nhập học (1 chuyên ngành chính + tối đa 1 chuyên ngành phụ), ví dụ: khi học cùng lúc hai chuyên ngành (double concentrations) hoặc hai chuyên ngành phụ (double minors).
- ✓ SV học bổ sung tín chỉ khi học chương trình tích hợp trao đổi tại các trường đối tác của VinUni.
- ✓ SV học chương trình trao đổi ngắn hạn theo phạm vi hợp tác với trường đối tác hoặc theo các chương trình khác cần thực hiện tính phí theo tín chỉ.
- ✓ SV học lại môn trong một số trường hợp sau: không đạt điểm yêu cầu, không đủ điều kiện dự thi do vắng mặt hoặc vi phạm quy chế, hoặc đăng ký học lại để cải thiện điểm
- ✓ SV chuyển tiếp từ một trường đại học khác được công nhận các học phần kiến thức đã học tương đương với các học phần của VinUni theo quy định về chuyển đổi tín chỉ hiện hành của Trường. Trường hợp sinh viên nhận phê duyệt chuyển đổi tín chỉ có điều kiện với học phần có yêu cầu học bổ sung (ví dụ thực hành/thí nghiệm) thì học phí sẽ được xác định dựa trên số tín chỉ thực tế cho phần học bổ sung này. Chỉ áp dụng đối với sinh viên nhập học từ năm học 2024-2025 trở đi.

*Ghi chú:*

*- Tín chỉ được hiểu môn học đã xác định số tín chỉ học thuật cụ thể theo Quy chế Đào tạo hiện hành của VinUni. Trường hợp các môn không xác định số tín chỉ học thuật mà chỉ quy định số giờ bắt buộc thì sẽ được tính quy đổi 15 tiết trên lớp tương đương 1 tín chỉ.*

- Học phí trên không phân biệt hình thức đào tạo gồm cả hình thức học tập trực tuyến (“online”), trực tiếp (“offline”) hoặc kết hợp online - offline.
- Học phí áp dụng một mức chung cho Sinh viên Việt Nam và Sinh viên Quốc tế.
- Thời hạn nộp: Sinh viên sẽ đóng Học phí theo hai (02) đợt/năm vào đầu các học kỳ chính, theo lịch thông báo hàng năm của Nhà trường.

### II. CÁC KHOẢN PHÍ KHÁC

#### 1. Phí xét tuyển hồ sơ

- Phí xét tuyển hồ sơ là chi phí xử lý sàng lọc hồ sơ khi Ứng viên nộp hồ sơ dự tuyển vào Trường
- Mức phí **2.000.000 đồng/lần**/ứng viên được vào vòng phỏng vấn
- Ứng viên được xét miễn trừ Phí xét tuyển hồ sơ trong các trường hợp:
  - ✓ Tham gia các sự kiện tuyển sinh do Trường hoặc Viện tổ chức
  - ✓ Tham gia các cuộc thi học thuật hoặc ngoại khóa do Trường hoặc Viện tổ chức
  - ✓ Trong danh sách đề cử của Hiệu trưởng Trường THPT thí sinh theo học
  - ✓ Các trường hợp đặc biệt khác được phê duyệt theo chiến dịch / đợt tuyển sinh trong năm
- Ứng viên nộp phí trước ngày phỏng vấn theo thời hạn được thông báo.
- Khoản phí này **KHÔNG** được hoàn trả hay chuyển nhượng trong bất kỳ trường hợp nào.

## 2. Phí xác nhận quyền hưởng ưu đãi Học bổng/Ưu đãi Học phí/Hỗ trợ tài chính

- Phí xác nhận quyền hưởng ưu đãi Học bổng/ Ưu đãi Học phí/ Hỗ trợ tài chính là phí để xác nhận suất Học bổng / Ưu đãi Học phí/ Hỗ trợ tài chính mà Ứng viên đã được trao sau khi có kết quả tuyển sinh sơ tuyển.
- Mức phí: **20.000.000 đồng**/Ứng viên
- Ứng viên nộp phí theo thời hạn cụ thể ghi tại Thông báo
- Khoản phí này **KHÔNG** được hoàn trả hay chuyển nhượng, và được bù trừ vào học phí và các khoản phải nộp khác khi sinh viên nhập học. Khoản phí này chỉ được hoàn trả trong trường hợp sinh viên nhận được thư mời nhập học có điều kiện nhưng không nhập học do không đáp ứng được điều kiện đó, hoặc nếu nhà trường hủy đợt khai giảng của chương trình đào tạo sinh viên đã chọn. Sinh viên nhập học bổng từ 100% trở lên được quyết toán lại khoản phí này sau năm học đầu tiên.

## 3. Phí thư viện

### 3.1. Phí mượn tài liệu, thiết bị quá hạn hoặc quá hạn triệu hồi

- Phí mượn tài liệu, thiết bị quá hạn hoặc quá hạn triệu hồi là phí trả chậm tài liệu, thiết bị đã mượn thư viện tính từ ngày hết hạn mượn hoặc hết hạn triệu hồi tài liệu, thiết bị đến ngày thực tế trả tài liệu, thiết bị hoặc ngày Sinh viên báo tài liệu, thiết bị bị mất (gồm cả ngày nghỉ và ngày lễ).
- Mức phí:
  - ✓ Đối với tài liệu thông thường: **10.000 đồng/ngày** quá hạn/tài liệu
  - ✓ Đối với tài liệu dành riêng cho khóa học: **10.000 đồng/giờ** quá hạn/tài liệu
  - ✓ Đối với thiết bị: **10.000 đồng/ngày** quá hạn/thiết bị
- Sinh viên chưa nộp phí mượn tài liệu, thiết bị quá hạn sẽ không được mượn tiếp tài liệu, thiết bị của thư viện.
- Sinh viên trả chậm tài liệu trên 30 ngày, ngoài phí trả chậm sẽ phải nộp phạt bổ sung một khoản bằng giá bìa tài liệu mượn.
- Phí được thu tại thời điểm phát sinh.

### 3.2. Phí sửa chữa tài liệu, thiết bị hư hỏng nhẹ

- Phí sửa chữa tài liệu, thiết bị hư hỏng nhẹ là phí bồi thường thiệt hại do làm hư hại nhẹ tài liệu, thiết bị đã mượn thư viện theo Nội quy Thư viện.
- Mức phí: **200.000 đồng**/tài liệu, thiết bị.
- Ngoài phí bồi thường thiệt hại, Sinh viên có thể phải nộp thêm phí hành chính hoặc phí phạt mượn tài liệu, thiết bị quá hạn theo Nội quy Thư viện.
- Sinh viên chưa nộp phí sửa chữa tài liệu, thiết bị sẽ không được mượn tiếp tài liệu, thiết bị của thư viện.
- Phí được thu tại thời điểm phát sinh.

### 3.3. Phí thay thế tài liệu, thiết bị bị mất hoặc hư hỏng nặng

- Phí thay thế tài liệu, thiết bị bị mất hoặc hư hỏng nặng là phí bồi thường thiệt hại do làm mất hoặc làm hư hại nghiêm trọng tài liệu, thiết bị đã mượn thư viện theo Nội quy Thư viện.
- Mức phí:
  - ✓ Đối với tài liệu có trên thị trường (trong nước và quốc tế): Mức phí được tính bằng giá mua tài liệu mới và **200.000 đồng** phí hành chính/tài liệu.
  - ✓ Đối với tài liệu không có trên thị trường (trong nước và quốc tế): Mức phí được tính bằng 05 lần giá mua tài liệu gốc.
  - ✓ Đối với thiết bị: Mức phí được tính bằng giá mua thiết bị mới cùng loại hoặc tương đương và **200.000 đồng** phí hành chính/thiết bị.
- Ngoài phí bồi thường thiệt hại, Sinh viên có thể phải nộp thêm phí phạt mượn tài liệu, thiết bị quá hạn theo Nội quy Thư viện.
- Trường hợp Sinh viên tìm thấy tài liệu, thiết bị đã thông báo bị mất trước đó và trả lại cho thư viện sau khi Sinh viên đã nộp phí thay thế tài liệu, thiết bị, khoản phí này sẽ không được hoàn trả. Tuy nhiên, Sinh viên sẽ được sở hữu tài liệu, thiết bị tìm thấy đó.
- Phí được thu trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày báo mất hoặc phát hiện hư hỏng nặng.

## 4. Phí xử lý học vụ

Phí xử lý học vụ là lệ phí hành chính để xử lý các yêu cầu học vụ của Sinh viên, cụ thể:

Dịch vụ học vụ	Mức phí	Thời điểm thu phí
1. Phí cấp lại thẻ sinh viên	200.000 đồng/thẻ	Thời điểm đăng ký làm lại thẻ
2. Phí cấp giấy tờ có dấu xác nhận (bảng điểm)	50.000 đồng/bản	Thời điểm đăng ký làm giấy tờ

Dịch vụ học vụ	Mức phí	Thời điểm thu phí
tạm thời, sao y bản chính bằng điểm, xác nhận sinh viên, bản sao...)		
3. Phí xét bảo lưu học phí hoặc hoàn trả học phí khi Sinh viên tạm dừng học/thôi học	2.000.000 đồng/lần	Thời điểm tiếp nhận hồ sơ đăng ký
4. Phí xét chuyển chương trình đào tạo	2.000.000 đồng/lần	Thời điểm tiếp nhận hồ sơ đăng ký
5. Phí xét học cùng lúc hai chương trình đào tạo	2.000.000 đồng/lần	Thời điểm tiếp nhận hồ sơ đăng ký
6. Phí xét chuyển đổi tín chỉ đào tạo (theo Khoản 13 của Quy chế đào tạo đại học, không bao gồm phạm vi các chương trình trao đổi do VinUni hợp tác với trường đối tác)	2.000.000 đồng/môn	Thời điểm tiếp nhận hồ sơ đăng ký
7. Phí phúc tra điểm	1.000.000 đồng/lần/môn	Thời điểm đăng ký phúc tra

## 5. Phí thi lại và Phí học lại

- Đối với các môn học không đạt yêu cầu, sinh viên có thể phải thi lại cuối kỳ (nếu có tổ chức thi lại) hoặc đăng ký học lại môn học. Việc áp dụng mức phí tương ứng sẽ áp dụng theo thông báo về mức phí thi lại và học lại của VinUni.
- Trong trường hợp sinh viên đăng ký học lại để cải thiện điểm, mức phí học lại cũng sẽ được áp dụng theo quy định hiện hành của Nhà trường.
- Học phí các tín chỉ học lại được áp dụng bằng 50% học phí niêm yết theo tín chỉ (tham chiếu quy định tại mục D). Trường hợp các môn không xác định số tín chỉ học thuật mà chỉ quy định số giờ bắt buộc thì sẽ được tính quy đổi 15 tiết trên lớp tương đương 1 tín chỉ.
- Mức phí thi lại:
  - ✓ Đối với môn thi lý thuyết: 1.500.000 đồng/SV/lần
  - ✓ Đối với môn thi thực hành: 2.500.000 đồng/SV/lần
  - ✓ Đối với môn thi theo đề thi của Hội đồng khảo thí Y khoa Hoa Kỳ (NBME): 2.000.000 đồng/SV/lần.
- Phí thi lại (nếu có tổ chức thi lại) và phí học lại này sẽ không được áp dụng các ưu đãi học phí, chiết khấu thanh toán hoặc học bổng của VinUni.
- Thời gian áp dụng:
  - ✓ Đối với Sinh viên nhập học trước năm 2025 (tương đương Sinh viên Khóa 1, 2, 3, 4, 5):
    - ❖ Lần thi lại hoặc học lại đầu tiên của các môn học đã đăng ký trước Học kỳ Mùa thu 2025 sẽ được miễn phí, không phân biệt lý do (dù là do không đạt yêu cầu hay để cải thiện điểm GPA).
    - ❖ Phí này sẽ được áp dụng bắt đầu từ:
      - (i) Lần thi lại/học lại từ lần thứ hai của các môn học đó, hoặc
      - (ii) Bất kỳ học phần nào được đăng ký học lần đầu từ Học kỳ Mùa thu 2025 trở đi.
  - ✓ Đối với Sinh viên nhập học từ Học kỳ Mùa thu 2025 trở đi (tương đương Sinh viên Khóa 6 trở đi): Chính sách phí mới sẽ được áp dụng cho tất cả các lần học lại và thi lại.

## 6. Phí ở Ký túc xá

- Mức phí này bao gồm phòng ở, trang thiết bị đi kèm, dịch vụ internet, vệ sinh khu vực chung, kỹ thuật, gửi xe (1 phương tiện/Sinh viên, trường hợp phương tiện là ô tô sinh viên cần đăng ký trước để được nhà trường sắp xếp tùy theo số lượng chỗ đỗ còn trống), điện nước (theo định mức 120 số điện/người/tháng, 4m<sup>3</sup> nước/người/tháng). Nếu vượt định mức Sinh viên sẽ phải nộp tiền phụ trội theo mức giá quy định của Trường trong vòng 1 tuần kể từ ngày nhận được Thông báo thu phí. Sinh viên có thể sử dụng dịch vụ tự trả tiền khác như vệ sinh, giặt là, ăn-uống.
- Mức phí tính trên số ngày ở tại Ký túc xá theo lịch chuyển đến, chuyển đi của từng kỳ học được công bố trên website.
  - Ký túc xá đặt trong khuôn viên trường:
    - Loại phòng 4-8 Sinh viên/phòng: **3.200.000 đồng/tháng/Sinh viên.**
    - Loại phòng 2 Sinh viên/phòng: **4.000.000 đồng/tháng/Sinh viên.**
  - Ký túc xá đặt ngoài khuôn viên trường: **4.500.000 đồng/tháng/Sinh Viên**

*Ghi chú: Mức phí theo ngày được tính dựa trên số ngày tiêu chuẩn của 1 tháng (30 ngày/tháng)*

- Mỗi Sinh viên ở Ký túc xá phải nộp tiền đặt cọc tương ứng với 1 tháng tiền thuê và nộp cùng phí ở Ký túc xá của học kỳ đầu tiên
- Thời hạn nộp:
  - ✓ Đối với Sinh viên học ngắn hạn: Nộp 1 lần trong vòng 1 tuần trước ngày đầu tiên vào ở Ký túc xá.
  - ✓ Đối với Sinh viên chính quy: Nộp cùng với Học phí của học kỳ đó.
- Điều kiện hoàn trả:
  - ✓ Hoàn trả tiền phí ở Ký túc xá:
    - Được hoàn trả số tiền tương ứng với thời gian chưa ở vì lý do khách quan từ phía Nhà trường.
    - Không được hoàn trả vì lý do chủ quan, bao gồm cả lý do bị Nhà trường kỷ luật.
    - Trường hợp Sinh viên chủ động thôi học và được Nhà trường chấp nhận, mức hoàn trả tiền phí ở Ký túc xá được áp dụng tương tự tỷ lệ hoàn trả Học phí (tham chiếu Mục 4 Phần D Quy định này)
  - ✓ Hoàn trả tiền đặt cọc:
    - Được hoàn trả khi Sinh viên thôi ở Ký túc xá vì lý do khách quan từ phía Nhà trường sau khi đã trừ toàn bộ các khoản phải thu liên quan đến Sinh viên theo quy định.
    - Không được hoàn trả khi Sinh viên thôi ở Ký túc xá vì lý do chủ quan bao gồm cả lý do bị Nhà trường kỷ luật.

#### **7. Phí Bảo hiểm y tế bắt buộc (thu hộ chi hộ)**

- Phí bảo hiểm y tế dành cho Sinh viên Việt Nam là khoản phí phụ thu bắt buộc theo quy định về khung bảo hiểm y tế bắt buộc dành cho Sinh viên Việt Nam đang học tại các trường đại học. Nhà trường đại diện thu phí và chuyển phí về Văn phòng Bảo hiểm xã hội của Thành phố.
- Phí Bảo hiểm y tế duy trì cả khi Sinh viên Việt Nam đang tạm dừng học để tham gia chương trình trao đổi Sinh viên. Đối với sinh viên bảo lưu nhà trường sẽ không thu phí và không gia hạn bảo hiểm y tế cho đến khi sinh viên đi học trở lại.
- Phí bảo hiểm y tế dành cho Sinh viên Quốc tế là khoản phí phụ thu bắt buộc, nhà trường đại diện mua gói bảo hiểm y tế phù hợp áp dụng trong suốt thời gian học tại trường.
- Phí Bảo hiểm Y tế được nộp 1 lần/năm cùng với Học phí học kỳ đầu của năm học cho số tháng thực tế Sinh viên tham gia bảo hiểm theo mức phí quy định của Cơ quan bảo hiểm hoặc mức phí kèm các điều kiện của Đơn vị cung cấp bảo hiểm. Đây là khoản phí Nhà trường thu hộ chi hộ giữa Sinh viên và Cơ quan bảo hiểm/Đơn vị cung cấp bảo hiểm, không phát sinh chênh lệch.
- Nhà trường lựa chọn PVI Insurance là đơn vị cung cấp chương trình bảo hiểm y tế cho Sinh viên Quốc tế và sẽ cung cấp thông tin cá nhân của Sinh viên mua bảo hiểm cho Đơn vị cung cấp bảo hiểm.
- Trong trường hợp Sinh viên Quốc tế muốn tự mua bảo hiểm y tế, Sinh viên Quốc tế phải nộp đầy đủ giấy tờ chứng minh việc tự mua bảo hiểm y tế cho phòng Y tế Trường qua email [clinic@vinuni.edu.vn](mailto:clinic@vinuni.edu.vn) một tuần trước thời điểm nhận Thông báo thu phí của Nhà trường.
- Sinh viên Việt Nam đã được cấp Bảo hiểm Y tế bắt buộc hoặc Sinh viên có Bảo hiểm Y tế bắt buộc còn hiệu lực sẽ không phải đóng phí này. Sinh viên cần nộp bản photo thẻ bảo hiểm Y tế hoặc minh chứng thẻ bảo hiểm còn hiệu lực trên app VssID hoặc app VNeID cho Phòng Y tế Trường qua email [clinic@vinuni.edu.vn](mailto:clinic@vinuni.edu.vn) theo thông báo của nhà trường.

#### **8. Phí khám sức khỏe tổng quát (thu hộ chi hộ)**

- Theo quy định của Bộ Y tế, từ năm học 2022-2023, việc tổ chức khám sức khỏe tổng quát là yêu cầu bắt buộc với sinh viên khi mới nhập học và định kỳ ít nhất một lần trong mỗi năm học. Đây là khoản Nhà trường thu hộ chi hộ Sinh viên và Bệnh viện, không phát sinh chênh lệch.
- Phí khám sức khỏe tổng quát được nộp 1 lần/năm cùng với Học phí theo thông báo thu phí của Nhà trường.
- Trong trường hợp không tham gia khám sức khỏe do nhà trường tổ chức và thông báo, sinh viên tự chịu chi phí phát sinh đi khám tại cơ sở y tế có cung cấp dịch vụ khám sức khỏe tổng quát theo thông tư 32/2023/TT-BYT và gửi lại kết quả cho Phòng Y tế Trường và qua email [clinic@vinuni.edu.vn](mailto:clinic@vinuni.edu.vn).

#### **9. Phí tham dự Lễ tốt nghiệp**

- Đề tham gia Lễ Tốt nghiệp, tất cả sinh viên tốt nghiệp cần đăng ký và đóng mức phí 2.000.000 đồng/SV. Mức phí này hỗ trợ một phần chi phí tổ chức bao gồm: lễ phục tốt nghiệp (áo, mũ, khăn quàng); một gói chụp ảnh chuyên nghiệp trước lễ; chi phí hậu cần và tổ chức sự kiện...
- Lưu ý:
  - ✓ Các khoản chi phí tổ chức khác như: sân khấu, âm thanh, ánh sáng, quay phim, chụp ảnh tập thể, tặng phẩm tốt nghiệp, tiệc cocktail cho phụ huynh/sinh viên... đã được Nhà trường và các đơn vị đồng hành tài trợ và bảo trợ toàn phần.
  - ✓ Phí áp dụng trọn gói và không hoàn lại nếu sinh viên không sử dụng một hoặc một số hạng mục kể trên.
- Thời điểm thu phí: theo thông báo thu phí của nhà trường.

#### 10. Phí bồi hoàn các khoản tổn thất tài sản

- Phí bồi hoàn các khoản tổn thất tài sản là phí bồi thường thiệt hại do làm mất hoặc làm hư hại các thiết bị, vật dụng hoặc cơ sở vật chất của Nhà trường.
- Thời điểm thu phí: Ngay khi phát sinh trường hợp mất mát hoặc hư hỏng
- Biểu phí áp dụng:

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Đơn giá (VND)
1	Khăn choàng lễ phục khai giảng/ tốt nghiệp	chiếc	300.000
2	Lễ phục tốt nghiệp	bộ	1.500.000
3	Bình nước thủy tinh	chiếc	140.000
4	Cốc thủy tinh	chiếc	65.000
5	Khay nhựa	chiếc	90.000
6	Bộ chổi & ky bầu rác	bộ	110.000
7	Móc áo	chiếc	15.000
8	Máy sấy tóc	chiếc	400.000
9	Ấm siêu tốc	chiếc	800.000
10	Dép nhựa	đôi	45.000
11	Thẻ dọn phòng	chiếc	70.000
12	Ga trải giường đôi	chiếc	600.000
13	Ga trải giường đơn	chiếc	400.000
14	Vỏ chăn đôi	chiếc	850.000
15	Vỏ chăn đơn	chiếc	600.000
16	Ruột chăn đôi	chiếc	700.000
17	Ruột chăn đơn	chiếc	600.000
18	Vỏ gối	chiếc	95.000
19	Ruột gối	chiếc	105.000
20	Khăn tắm	chiếc	155.000
21	Khăn mặt	chiếc	50.000
22	Thảm chân	chiếc	130.000
23	Đệm 1m6 x 2m (lò xo)	chiếc	6.000.000
24	Đệm 1m2 x 2m (bông ép)	chiếc	1.500.000
25	Thùng rác lớn (30L)	chiếc	1.700.000
26	Thùng rác nhà vệ sinh	chiếc	450.000
27	Điều khiển điều hòa	chiếc	150.000
28	Lò vi sóng	chiếc	3.700.000
29	Làm bản chặn ga gối, khăn tắm, trang thiết bị, đồ dùng, nội thất do nhà trường cung cấp (vết bẩn khó tẩy, vết ố, dầu mỡ...)	chiếc	300.000

- Tổn thất tài sản khác: Mức phí được tính bằng giá mua tài sản/thiết bị mới cùng loại hoặc tương đương hoặc chi phí sửa chữa phục hồi nguyên trạng tài sản/thiết bị bị tổn thất; và thêm **200.000 đồng** phí hành chính/lần.

## **B. QUY ĐỊNH TÀI CHÍNH VÀ BIỂU PHÍ CHƯƠNG TRÌNH SAU ĐẠI HỌC**

### **1. Phí xét tuyển hồ sơ**

- Phí xét tuyển hồ sơ là chi phí xử lý sàng lọc hồ sơ khi Ứng viên nộp hồ sơ dự tuyển vào Trường
- Mức phí **2.000.000 đồng**/lần/ứng viên được vào vòng phỏng vấn.
- Ứng viên được xét miễn trừ Phí xét tuyển hồ sơ trong các trường hợp:
  - ✓ Tham gia các sự kiện tuyển sinh do Trường hoặc Viện/Trung tâm nghiên cứu tổ chức
  - ✓ Trong danh sách đề cử của Giáo sư/Nhà nghiên cứu khoa học uy tín
- Ứng viên nộp phí theo thời hạn được thông báo.
- Khoản phí này **KHÔNG** được hoàn trả hay chuyển nhượng trong bất kỳ trường hợp nào.

### **2. Học phí niêm yết và chính sách học bổng**

- Học phí niêm yết chung cho tất cả các chương trình Sau đại học: **932.400.000 đồng/năm**. Tùy theo thời gian học của từng Chương trình mà mức học phí tổng sẽ thay đổi tương ứng.
- Học viên trúng tuyển chương trình Bác sỹ Nội trú có cơ hội được học bổng và nhận tài trợ/ phụ cấp khác từ Hệ thống Y tế Vinmec hoặc các đơn vị/ bệnh viện khác khác theo quy định cụ thể tại từng năm.
- Học viên trúng tuyển chương trình Tiến sĩ có cơ hội được học bổng và nhận tài trợ / phụ cấp khác theo quy định cụ thể của từng Chương trình và tại từng năm.
- Học viên trúng tuyển chương trình Thạc sĩ có cơ hội được học bổng / hỗ trợ học phí theo quy định cụ thể của từng Chương trình và tại từng năm.

### **3. Phí kiểm tra kiến thức Y khoa căn bản quốc tế (IFOM) đối với chương trình Bác sỹ Nội trú**

- Phí thi IFOM là chi phí mua bài thi IFOM và tổ chức kỳ thi IFOM tại Việt Nam
- Mức phí: 2.000.000 VND/người. Mức phí có thể thay đổi hàng năm theo thông báo của trường, căn cứ vào mức phí công bố của Hội kiểm tra chất lượng y khoa quốc gia Hoa Kỳ (NBME). Áp dụng: Đối với Ứng viên qua vòng xét duyệt hồ sơ, được mời vào vòng thi IFOM.
- Ứng viên nộp phí trước ngày thi IFOM theo thời hạn được thông báo.

### **4. Các loại phí khác (trừ các phí nêu trên):**

- Được áp dụng theo Quy định tài chính và Biểu phí Hệ đại học chính quy tại mục A.II.
- Sinh viên được tài trợ từ 100% học phí của các chương trình Bác sỹ Nội trú, chương trình Tiến sĩ khoa học và chương trình Thạc sỹ khoa học được miễn đóng khoản Phí xác nhận quyền hưởng ưu đãi Học bổng/Uu đãi Học phí/Hỗ trợ tài chính.

## C. QUY ĐỊNH TÀI CHÍNH VÀ BIỂU PHÍ CHƯƠNG TRÌNH NGẮN HẠN

### 1. Học phí Chương trình Dự bị Tiếng Anh (Pathway English Program)

- Chương trình Dự bị Tiếng Anh dành cho các Sinh viên đã vượt qua vòng sơ tuyển trong kỳ tuyển sinh nhưng chưa đạt IELTS 6.5 hoặc tương đương; cấp độ đào tạo: Advanced (Sinh viên có đầu vào IELTS 6.0 học lên IELTS 6.5).
- Mức Học phí niêm yết ban hành áp dụng cho Sinh viên khi nhập học Chương trình Dự bị Tiếng Anh, không phân biệt hình thức đào tạo gồm cả hình thức học tập trực tuyến (“online”), trực tiếp (“offline”) hoặc kết hợp online-offline.
- Thời gian học: 180 giờ/cấp độ.
- Mức phí: **50.000.000 đồng/cấp độ/Sinh viên**. Mức Học phí đã bao gồm phí giáo trình (bản in – nếu có) và truy cập học liệu trực tuyến.
- Học phí và lệ phí ưu đãi áp dụng theo chính sách của năm học (nếu có).
- Đối với sinh viên đã đăng ký và tham gia Chương trình Dự bị Tiếng Anh, nếu sau đó bổ sung được chứng chỉ tiếng Anh đáp ứng chuẩn đầu vào theo quy định, học phí được hoàn trả sẽ được tính dựa trên thời lượng thực tế mà sinh viên đã tham gia tính đến thời điểm nộp chứng chỉ chính thức. Mức hoàn trả cụ thể theo phê duyệt của Giám đốc Tài chính kế toán.

### 2. Phí sử dụng cơ sở vật chất dành cho Sinh viên trao đổi đến từ các trường đối tác

- Mức phí sử dụng cơ sở vật chất tại VinUni áp dụng cho Sinh viên trao đổi đến từ các trường đối tác là
  - ✓ Sinh viên trao đổi ngắn hạn (ít hơn 1 học kỳ hoặc dưới 4 tháng): 1.250.000 đồng/tuần/SV
  - ✓ Sinh viên trao đổi dài hạn (từ 1 học kỳ trở lên): 10.000.000 đồng/kỳ/SV
- Mức phí tính trên số ngày thực tế Sinh viên theo học tại VinUni. Thời gian Sinh viên tham gia Chương trình trao đổi tại VinUni được xác định dựa trên xác nhận của trường đối tác ít nhất 7 ngày trước khi Sinh viên chính thức tham gia Chương trình.

*Ghi chú: Mức phí theo ngày được tính dựa trên số ngày tiêu chuẩn*

- ✓ Khoản phí này được thu một (01) lần cho cả kỳ cùng với Phí KTX và dịch vụ khác (nếu có) tại mục A.II Quy định này.
- ✓ Khoản phí này **KHÔNG** được hoàn trả hay chuyển nhượng trong bất kỳ trường hợp nào.
- ✓ Các quy định cụ thể khác áp dụng theo Thỏa thuận với Trường đối tác.

## **D. CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN HỌC PHÍ, HỌC BỔNG VÀ HỖ TRỢ TÀI CHÍNH & ƯU ĐÃI KHÁC**

### **1. Chính sách Học bổng, Hỗ trợ Tài chính**

- Tất cả các Sinh viên nhập học thành công tại VinUni đến năm 2030 đều được nhận hỗ trợ phát triển giáo dục 35% Học phí niên yết cho toàn bộ thời gian học tập của Chương trình đào tạo (theo thời gian khóa học được thiết kế chuẩn để Sinh viên hoàn thành chương trình đào tạo). Hỗ trợ phát triển Giáo dục đã bao gồm trong Học bổng Tài Năng (có giá trị từ 50% tới toàn phần) và Hỗ trợ tài chính.
- Được áp dụng đồng thời (cộng dồn) các mức Học bổng tài năng, Học bổng phụ, Hỗ trợ tài chính nhưng tối đa không vượt quá 100% Học phí niên yết.
- Mức Học bổng, Hỗ trợ tài chính, Hỗ trợ phát triển giáo dục được tính trên Học phí niên yết và được công bố theo từng năm học.
- Học bổng Tài năng được áp dụng cho toàn bộ thời gian học của Sinh viên và không được xem xét để nâng cấp học bổng. Sinh viên có cơ hội tham gia các nguồn hỗ trợ tài chính khác trong quá trình học tập.
- Các chương trình Học bổng, Hỗ trợ tài chính & Giải thưởng áp dụng theo Quy định hiện hành của Trường.
- Tiêu chí duy trì Học bổng Tài năng và/hoặc Hỗ trợ Tài chính áp dụng theo Quy định hiện hành của trường

### **2. Chính sách ưu đãi học phí và chiết khấu đóng phí**

#### **2.1. Ưu đãi học phí cho Gia đình**

- Sinh viên/học viên được giảm 2,5% học phí niên yết khi chứng minh được mình có người thân trong gia đình (bao gồm: anh/chị/em ruột, cha, mẹ, vợ, chồng hoặc con hợp pháp) đang cùng theo học chương trình Đại học hoặc chương trình Sau đại học tại VinUni.
- Ưu đãi được áp dụng từ người thứ 2 trong gia đình. Ưu đãi này sẽ được điều chỉnh từ thời điểm người thân trong gia đình của sinh viên dừng học tại VinUni, sinh viên có trách nhiệm nộp bổ sung phần phí ưu đãi đã được khấu trừ trước đó.
- Để tham gia chính sách ưu đãi học phí đặc biệt này, sinh viên cần nộp hồ sơ đăng ký hợp lệ chứng minh được mối quan hệ gia đình. Hồ sơ đăng ký cần được nộp một tuần trước thời điểm nhận Thông báo thu phí của Nhà trường.

#### **2.2. Ưu đãi học phí cho Cựu sinh viên**

- Cựu sinh viên VinUni đã hoàn tất một ngành học thuộc chương trình Đại học hoặc Sau đại học được ưu đãi 10% học phí niên yết khi học tiếp một văn bằng đại học thứ hai hoặc học tiếp chương trình sau đại học của trường.
- Để tham gia chính sách ưu đãi học phí đặc biệt này, cựu sinh viên cần nộp hồ sơ đăng ký hợp lệ và các chứng từ bổ sung nếu được yêu cầu. Hồ sơ đăng ký cần được cựu sinh viên nộp một tuần trước thời điểm nhận Thông báo thu phí của Nhà trường.

#### **2.3. Chiết khấu đóng phí theo năm học**

- Sinh viên đóng học phí và phí ký túc xá cho cả năm học sẽ được hưởng mức chiết khấu tương ứng 5% tính trên số tiền phải thu trước chiết khấu.
- Ưu đãi chỉ áp dụng trong trường hợp sinh viên đóng phí đúng hạn theo thông báo thu phí của Nhà trường.

#### **2.4. Điều kiện áp dụng**

- Chính sách ưu đãi học phí đặc biệt cho cựu sinh viên không được áp dụng đồng thời với chương trình ưu đãi học phí cho Gia đình.
- Các ưu đãi học phí đặc biệt và chiết khấu đóng phí theo năm học được áp dụng đồng thời với chương trình học bổng.
- Áp dụng bắt đầu từ kỳ Thu năm 2025.

### **3. Chính sách điều chỉnh Học phí và phí (áp dụng cho cả Đại học và Sau đại học)**

- Học phí không thay đổi trong suốt quá trình học, kể cả thời gian bảo lưu.
- Các khoản phí còn lại có thể thay đổi theo quy định của Trường theo từng thời kỳ và pháp luật Việt Nam.

#### 4. Chính sách bảo lưu Học phí và hoàn trả Học phí

- Học phí và các phí khác đã nộp không được bảo lưu hoặc hoàn lại ngoại trừ các trường hợp được phép theo Quy định Tài chính này và phải được Nhà trường phê duyệt theo Đơn xin hoàn trả/bảo lưu Học phí bằng văn bản của Sinh viên.
- Sinh viên bảo lưu/rút hồ sơ/thôi học, trong mọi trường hợp, cần nộp đơn bảo lưu/thôi học cho Nhà trường tối thiểu 30 ngày trước ngày Sinh viên thôi học chính thức.
- Bảo lưu Học phí được áp dụng khi Sinh viên đã nộp Học phí và sau đó có đơn xin bảo lưu (tạm ngưng) học tập nộp muộn nhất vào ngày làm việc cuối cùng của tuần thứ 3 của Học kỳ và được Nhà trường chấp thuận thì phần Học phí này sẽ được bảo lưu toàn phần tối đa là một (01) năm học. Khi Sinh viên quay lại học sẽ được trừ vào phần Học phí phải nộp. Sinh viên nộp đơn xin bảo lưu sau thời hạn nêu trên sẽ không được bảo lưu học phí, trừ một số trường hợp đặc biệt có thể xem xét bảo lưu hoặc hoàn trả học phí:
  - ✓ Thi hành nghĩa vụ quân sự hoặc thực hiện nghĩa vụ theo lệnh điều động của cơ quan nhà nước
  - ✓ Bệnh nặng không thể tiếp tục học
  - ✓ Tai nạn hoặc các sự kiện bất khả khángSinh viên và phụ huynh phải chuẩn bị đầy đủ hồ sơ chứng minh cho các trường hợp đặc biệt trên.
- Hoàn trả Học phí:
  - ✓ Hoàn trả toàn phần khi có thiên tai, chiến tranh, khủng bố, ... hay các sự cố khủng hoảng nghiêm trọng khác mà Nhà trường phải đóng cửa hoặc cho dừng học hoàn toàn mà không có kênh học tập thay thế.
  - ✓ Hoàn trả một phần trong các trường hợp Sinh viên chủ động thôi học và được Nhà trường chấp thuận. Mức hoàn trả cụ thể:
    - Hoàn trả 80% Học phí thực nộp của khóa học hoặc học kỳ khi Sinh viên thôi học trước ngày học đầu tiên của khóa học hoặc học kỳ theo lịch ghi trong thông báo gửi Sinh viên của khóa học hoặc học kỳ.
    - Hoàn trả 50% Học phí thực nộp của khóa học hoặc học kỳ khi Sinh viên thôi học trong vòng 2 tuần kể từ ngày học đầu tiên của khóa học hoặc học kỳ.
  - ✓ Không hoàn trả Học phí thực nộp của khóa học hoặc học kỳ khi Sinh viên thôi học sau 2 tuần kể từ ngày đầu tiên của khóa học hoặc học kỳ.
  - ✓ *Lưu ý: Mỗi học kỳ được xét riêng về thời điểm thôi học và tỷ lệ hoàn trả. Ví dụ trường hợp Sinh viên đã đóng học phí cả năm nhưng thôi học sau 2 tuần từ ngày đầu tiên của học kỳ Mùa Thu nhưng trước khi bắt đầu học kỳ Mùa Xuân sẽ được hoàn trả 80% học phí thực nộp của học kỳ Mùa Xuân.*
- Các trường hợp thay đổi, tạm hoãn lịch học, thay thế kênh và hình thức học tập (ví dụ: từ trực tiếp sang trực tuyến), thay thế hình thức tổ chức cuộc sống Sinh viên, trao đổi Sinh viên quốc tế, thực tập (ví dụ: từ trực tiếp sang trực tuyến), được coi là hình thức học tập trong điều kiện bình thường mới và không áp dụng chính sách hoàn trả/bảo lưu hoặc giảm Học phí.

## E. CÁC QUY ĐỊNH KHÁC LIÊN QUAN

### 1. Thời hạn, hình thức nộp Học phí, các khoản phí và điều khoản thực hiện

#### 1.1. Thời hạn nộp Học phí và các khoản phí

- Thời hạn nộp Học phí và các khoản phí được quy định cụ thể tại từng khoản phí như trên.
- Trường hợp xin gia hạn nộp Học phí cần có bằng chứng về lý do khách quan và phải được Nhà trường phê duyệt.

#### 1.2. Hình thức nộp Học phí và các khoản phí

- Sinh viên thanh toán Học phí và các khoản phí thông qua kênh thanh toán trực tuyến tại **Link: <https://my.vinuni.edu.vn/>**
- Trường hợp Sinh viên không thực hiện được bằng hình thức thanh toán trực tuyến theo thông báo, Sinh viên có thể thanh toán trực tiếp bằng thẻ ngân hàng tại Phòng Tài chính kế toán trong giờ hành chính, hoặc chuyển khoản vào tài khoản của Trường với thông tin cụ thể như sau:
  - ✓ Tên tài khoản thụ hưởng: Trường Đại học VinUni
  - ✓ Số tài khoản (VND) : 88991188
  - ✓ Số tài khoản (USD) : 11229922
  - ✓ Tại Ngân hàng: Techcombank - Hội sở
  - ✓ Nội dung chuyển khoản: theo hướng dẫn trên thông báo thu phí.
- Đối với các giao dịch chuyển khoản ngoại tệ từ nước ngoài có thể được thực hiện qua tài khoản USD của Trường. Vui lòng gửi email đến [financialsupport@vinuni.edu.vn](mailto:financialsupport@vinuni.edu.vn) để biết chi tiết về thông tin tài khoản.
- Học phí tính theo đô la Mỹ (USD) CHỈ được áp dụng cho Sinh viên Quốc tế khi thanh toán Học phí từ nước ngoài theo quy định và được quy đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) tại ngày Thông báo thu phí.

#### 1.3. Điều khoản thực hiện

- Các trường hợp đặc biệt, ngoại lệ không đáp ứng theo các yêu cầu quy định của Quy định Tài chính này, Sinh viên phải làm Đơn đề nghị để Nhà trường xem xét và phê duyệt từng trường hợp cụ thể.
- Đối với các khoản phí tính theo số ngày thực tế, căn cứ để tính chi phí dựa trên số ngày tiêu chuẩn của 1 tuần là 7 ngày, của 1 tháng là 30 ngày và của 1 năm là 360 ngày.
- Trường hợp Sinh viên không hoàn thành nghĩa vụ thanh toán Học phí và các khoản phí liên quan đúng hạn theo quy định thì Sinh viên phải nộp một khoản phí phạt thanh toán chậm là 2.000.000 VNĐ. Phí này sẽ được nộp cùng với Học phí
  - ✓ Lưu ý: Ngày VinUni ghi nhận Sinh viên hoàn thành nghĩa vụ thanh toán là ngày nhận tiền trên Giấy báo Có của Ngân hàng của VinUni.
  - ✓ Ví dụ: Sinh viên thực hiện chuyển tiền sau giờ giao dịch của Ngân hàng ngày 25/08/2022 dẫn đến ngày trên Giấy báo Có của Ngân hàng của VinUni là ngày 26/08/2022 => Ngày VinUni ghi nhận Sinh viên hoàn thành nghĩa vụ nộp tiền là ngày 26/08/2022.
- Trường hợp Sinh viên không hoàn thành nghĩa vụ thanh toán Học phí và các khoản phí liên quan đúng hạn từ 1 tuần trở lên nhưng tối đa không quá 3 tuần tính từ ngày hết hạn nộp theo quy định tại thông báo thu phí hoặc thời gian gia hạn đóng phí đã được phê duyệt (nếu có), sinh viên sẽ bị đình chỉ đăng ký môn học, rút khỏi các môn học đã đăng ký và khóa tài khoản truy cập các hệ thống của VinUni như Canvas, thư viện, SIS và các hệ thống khác.

Sinh viên nếu vẫn còn các khoản nợ phí khác không thuộc học phí (ví dụ: phí chậm thanh toán, phí ký túc xá...) sẽ bị hạn chế một số dịch vụ học vụ và phúc lợi, bao gồm xét nhận bản sao kết quả học tập, xác nhận sinh viên hoặc chứng nhận hoàn tất chương trình, xét nhận chứng chỉ học thuật, không được ưu tiên xét duyệt đăng ký chỗ ở tại ký túc xá và một số dịch vụ hỗ trợ khác. Sinh viên quốc tế có thể phải chịu thêm những hệ quả khác nếu bị buộc thôi học, theo đó, Trường Đại học VinUni có nghĩa vụ thông báo với cơ quan quản lý xuất nhập cảnh những thay đổi về tình trạng ghi danh của sinh viên quốc tế.
- Khi Sinh viên đã bị yêu cầu tạm dừng học vì chưa đóng Học phí trong hai kỳ liên tiếp mà vẫn không đóng Học phí đúng hạn vào học kỳ sau đó, Sinh viên đó sẽ bị buộc thôi học. Nếu Sinh viên bị buộc thôi học vì lý do không đóng Học phí, các khoản nợ trước đó phải được thanh toán đầy đủ trước khi Sinh viên có thể nộp đơn xin học lại tại VinUni.
- Đối với sinh viên đang trong quá trình bảo lưu kết quả học tập và mong muốn quay trở lại học nhưng còn tồn

động nghĩa vụ tài chính, việc xác nhận cho phép quay trở lại học tập chỉ được thực hiện khi sinh viên đã hoàn tất toàn bộ nghĩa vụ tài chính đối với Nhà trường.

- Sinh viên cần hiểu rõ trách nhiệm hoàn tất phí và thời hạn nộp phí của mình. Việc thông báo nhắc nhở của Nhà trường vì một lý do nào đó không đến được với Sinh viên không có ý nghĩa trì hoãn trách nhiệm chi trả các khoản phí theo quy định.
- Trong trường hợp Sinh viên vi phạm chính sách tài chính, Nhà trường có quyền xem xét kỷ luật từ mức khiển trách đến cảnh cáo hoặc buộc thôi học. Nhà trường có quyền nhờ các đơn vị bên ngoài thu hồi các khoản tài chính khó đòi theo quy định của pháp luật hiện hành.
- Sinh viên cần hoàn thành mọi nghĩa vụ tài chính trước khi được xét tốt nghiệp.

## **2. Quyết toán các khoản phải thu - phải trả Sinh viên khi hết năm học**

Các khoản tiền hoàn trả Sinh viên (VD: tiền đặt cọc ký túc xá, tiền nộp thừa...) sau khi bù trừ với các khoản phải thu Sinh viên tại thời điểm cuối mỗi năm học sẽ được quyết toán và ưu tiên bù trừ vào năm học tiếp theo

## **3. Phát hành hóa đơn tài chính điện tử**

- Hoá đơn điện tử chính thức được gửi đến hộp thư điện tử VinUni của Sinh viên (hoặc của người được Sinh viên ủy quyền nhận) trong vòng 30 ngày kể từ ngày đóng phí.
- Trường hợp Sinh viên có nhu cầu đặc biệt cần xuất hóa đơn cho một tổ chức thì Sinh viên phải gửi yêu cầu và nộp đầy đủ các Hồ sơ theo quy định cho phòng Tài chính - Kế toán của Trường trước thời hạn đóng Học phí và các khoản phí.
- Trong trường hợp thông tin viết hoá đơn không được cung cấp trước thời hạn đó, hoá đơn tài chính điện tử sẽ được xuất theo tên và địa chỉ mặc định của Sinh viên.
- Hóa đơn tài chính điện tử chính thức được phát hành không bao gồm các khoản phí thu hộ cho bên thứ ba (VD: Phí bảo hiểm y tế bắt buộc thu hộ Cơ quan Bảo hiểm Xã hội/Đơn vị cung cấp bảo hiểm, Phí khám sức khỏe tổng quát thu hộ Bệnh viện).

## F. BIỂU PHÍ CÁC KHÓA HỌC VÀ DỊCH VỤ CỦA TRUNG TÂM MÔ PHỎNG

- Đối tượng áp dụng: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu đào tạo.
- Học phí KHÔNG được hoàn trong bất kỳ trường hợp nào. Trường hợp tổ chức, cá nhân không tham gia khóa học đã đăng ký, có thể bảo lưu học phí đã nộp để sử dụng cho khóa học khác. Hồ sơ yêu cầu bảo lưu (Đơn xin bảo lưu, Sao kê chuyển khoản chứng minh đã chuyển tiền) phải nộp trước tối thiểu 5 ngày làm việc trước ngày diễn ra đào tạo.
- Thời gian thu phí: Trước thời gian diễn ra khóa học hoặc theo điều khoản Hợp đồng cụ thể.
- Biểu phí

STT	Khóa học	Loại hình	ĐVT	Số ngày Đào tạo	Đơn giá niêm yết (1)
<b>I. Khóa cấp chứng chỉ AHA</b>					
1	Khóa đào tạo học viên Heartsaver AHA	Cơ bản	VNĐ/khóa/HV	0,5	1.500.000
2	Heartsaver AHA	Toàn diện	VNĐ/khóa/HV	2	2.500.000
3	Khóa đào tạo học viên BLS AHA	Đào tạo mới	VNĐ/khóa/HV	1,5	3.000.000
4	Khóa đào tạo học viên ACLS AHA	Đào tạo mới	VNĐ/khóa/HV	2,5	8.500.000
5	ACLS AHA	Tái đào tạo	VNĐ/khóa/HV	1,5	5.000.000
6	Khóa đào tạo học viên PALS AHA	Đào tạo mới	VNĐ/khóa/HV	3	9.500.000
7	PALS AHA	Tái đào tạo	VNĐ/khóa/HV	2	7.500.000
8	Khóa đào tạo giảng viên BLS AHA	Đào tạo mới	VNĐ/khóa/HV	1	14.000.000
9	Khóa đào tạo giảng viên ACLS AHA	Đào tạo mới	VNĐ/khóa/HV	1,5	18.000.000
<b>II. Khóa cấp chứng chỉ VinUni và CME/CPD</b>					
10	Khóa Kỹ năng giao tiếp	ĐT Giảng viên	VNĐ/khóa/HV	2	4.000.000
11		Cơ bản	VNĐ/khóa/HV	2	1.000.000
12		Trong MT Y tế (lớp 16 hv)	VNĐ/khóa/HV	1	1.500.000
13		Trong MT Y tế (lớp 08 hv)	VNĐ/khóa/HV	2	2.500.000
14	ĐT Định hướng người bệnh chuẩn		VNĐ/khóa/HV	2	2.000.000
15	Khóa sơ cấp cứu	Cơ bản	VNĐ/khóa/HV	0,5	500.000
16		Chuyên sâu	VNĐ/khóa/HV	1	800.000
17		Toàn diện	VNĐ/khóa/HV	2	1.350.000
18		Đột quy cấp	VNĐ/khóa/HV	0,5	500.000
19	Tự chăm sóc sức khỏe khi đi du học		VNĐ/khóa/HV	1	900.000
20	Khóa BLS	Đào tạo mới	VNĐ/khóa/HV	1,5	1.200.000
21	Khóa ACLS	Đào tạo mới	VNĐ/khóa/HV	2,5	4.000.000
22	Khóa PALS	Đào tạo mới	VNĐ/khóa/HV	3	5.000.000
23	Phương pháp dạy-học lâm sàng cho người giảng dạy thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe (2)		VNĐ/khóa/HV	5	5.000.000
24	Quản lý bệnh viện/Quản lý chất lượng bệnh viện (2)		VNĐ/khóa/HV	5	4.000.000
25	Quản lý điều dưỡng (2)sss		VNĐ/khóa/HV	20	10.000.000
26	Hướng dẫn viết và công bố bài báo khoa học trong nước		VNĐ/khóa/HV	2	2.000.000
27	Hướng dẫn viết và công bố bài báo khoa học quốc tế		VNĐ/khóa/HV	3.5	3.500.000
28	Xây dựng và đánh giá bộ câu hỏi nghiên cứu trong khoa học sức khỏe		VNĐ/khóa/HV	7.5	6.500.000
29	Bồi dưỡng kiến thức về bộ câu hỏi nghiên cứu trong khoa học sức khỏe		VNĐ/khóa/HV	4	3.500.000
<b>III.</b>	<b>Giá ưu đãi cho Vinmec thuê dịch vụ (3)</b>		<b>VNĐ/ngày</b>		<b>9.000.000</b>

(1) Học phí không bao gồm chi phí mua sách cho khóa tái đào tạo và chỉ được áp dụng khi tổ chức khóa học tại TTMP. Khi tổ chức ở các tỉnh/địa điểm khác ngoài TTMP, khách hàng sẽ thanh toán thêm chi phí logistics bao gồm đi lại, chỗ ở của giảng viên, diễn viên, cán bộ TTMP và chi phí vận chuyển mô hình

(2) Có thể áp dụng chiết khấu tối đa 20% trong vòng 1 năm kể từ khóa đầu tiên được Trung tâm tổ chức.

*(3) Giá ưu đãi cho Vinmec thuê dịch vụ bao gồm phòng đào tạo, điện nước, mô hình, trang thiết bị, diễn viên và kỹ thuật viên để triển khai các khóa đào tạo nội bộ cho Vinmec. Đơn giá này chưa bao gồm chi phí vận chuyển mô hình, chi phí đi lại của kỹ thuật viên và diễn viên TTMP khi tổ chức đào tạo ở các tỉnh/địa điểm bên ngoài TTMP.*

## G. BIỂU PHÍ DỊCH VỤ KHAI THÁC CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Đối tượng áp dụng: Khách thuê trong và ngoài Tập đoàn.
- Phí dịch vụ KHÔNG được hoàn trong bất kỳ trường hợp nào. Trường hợp tổ chức, cá nhân không sử dụng dịch vụ đã đăng ký, phí dịch vụ đã nộp có thể sử dụng cho dịch vụ khai thác cơ sở vật chất khác. Đề nghị thay đổi kế hoạch sử dụng dịch vụ đã đăng ký phải gửi trước tối thiểu 3 ngày làm việc trước ngày sử dụng dịch vụ.
- Giá cho các PnL nội bộ Tập đoàn VGR: Giảm 10% cho tất cả các dịch vụ cơ sở vật chất (không áp dụng giảm giá đối với dịch vụ nhân sự hỗ trợ sự kiện và phí xe bus tuyến cố định)
- Chương trình giảm giá thuê địa điểm tổ chức sự kiện:
  - Giảm giá theo gói: Gói 3-6-9-12 sự kiện giảm tương ứng 15% - 20% - 25% - 30% (Lưu ý: Với số lượng đặt khác package thì tính theo cận dưới, VD gói 4-5 sự kiện sẽ áp dụng mức giảm giá của gói 3 sự kiện)
  - Các PnL nội bộ Tập đoàn VGR được áp dụng đồng thời cả giảm giá nội bộ và giảm giá theo gói)
- Thời gian thu phí: Theo điều khoản Hợp đồng/Thỏa thuận cụ thể.
- Biểu phí

STT	Dịch vụ	Đơn vị tính	Đơn giá (đã gồm VAT)	Ghi chú
<b>1</b>	<b>Cho thuê văn phòng</b>			
	Chi phí thuê văn phòng (bao gồm cả chi phí dịch vụ khu vực chung như thang máy, WC...). <i>Không bao gồm điện sử dụng</i>	VNĐ/m2/tháng	440.000	
<b>2</b>	<b>Thuê địa điểm tổ chức sự kiện</b>			
<b>2.1</b>	<b>Chi phí địa điểm</b>			
2.1.1	Hội trường 1500 chỗ			
	- Cả ngày (8 giờ)	VNĐ/ngày	220.000.000	Trong đó gói dịch vụ hỗ trợ trọn gói là 20 triệu VND
	- Nửa ngày (4 giờ)	VNĐ/nửa ngày	165.000.000	Trong đó dịch vụ hỗ trợ trọn gói là 15 triệu VND
2.1.2	Giảng đường TBL 200 chỗ			
	- Cả ngày (8 giờ)	VNĐ/ngày	57.000.000	Trong đó dịch vụ hỗ trợ trọn gói là 7 triệu VND
	- Nửa ngày (4 giờ)	VNĐ/nửa ngày	42.500.000	Trong đó dịch vụ hỗ trợ trọn gói là 5 triệu VND
2.1.3	Phòng Hội thảo 150 chỗ			
	- Cả ngày (8 giờ)	VNĐ/ngày	48.000.000	Trong đó dịch vụ hỗ trợ trọn gói là 8 triệu VND
	- Nửa ngày (4 giờ)	VNĐ/nửa ngày	36.000.000	Trong đó dịch vụ hỗ trợ trọn gói là 6 triệu VND
2.1.4	Nhà thể thao đa năng			
	- Cả ngày (8 giờ)	VNĐ/ngày	42.000.000	Trong đó dịch vụ hỗ trợ trọn gói là 12 triệu VND
	- Nửa ngày (4 giờ)	VNĐ/nửa ngày	31.000.000	Trong đó dịch vụ hỗ trợ trọn gói là 8.5 triệu VND
2.1.5	Giảng đường giặt cấp 74 chỗ			
	- Cả ngày (8 giờ)	VNĐ/ngày	19.500.000	Trong đó dịch vụ hỗ trợ trọn gói là 4.5 triệu VND
	- Nửa ngày (4 giờ)	VNĐ/nửa ngày	13.750.000	Trong đó dịch vụ hỗ trợ trọn gói là 2.5 triệu VND
2.1.6	Phòng học 48 chỗ			
	- Cả ngày (8 giờ)	VNĐ/ngày	14.500.000	Trong đó dịch vụ hỗ trợ trọn gói là 4.5 triệu VND

STT	Dịch vụ	Đơn vị tính	Đơn giá (đã gồm VAT)	Ghi chú
	- Nửa ngày (4 giờ)	VNĐ/nửa ngày	10.000.000	Trong đó dịch vụ hỗ trợ trọn gói là 2.5 triệu VNĐ
2.1.7	Sân vận động ngoài trời			
	- Cả ngày (8 giờ)	VNĐ/ngày	45.000.000	Trong đó dịch vụ hỗ trợ trọn gói là 14 triệu VNĐ
	- Nửa ngày (4 giờ)	VNĐ/nửa ngày	34.000.000	Trong đó dịch vụ hỗ trợ trọn gói là 11.5 triệu VNĐ
2.1.8	Rạp hát ngoài trời			
	- Cả ngày (8 giờ)	VNĐ/ngày	25.500.000	Trong đó dịch vụ hỗ trợ trọn gói là 5.5 triệu VNĐ
	- Nửa ngày (4 giờ)	VNĐ/nửa ngày	18.500.000	Trong đó dịch vụ hỗ trợ trọn gói là 3.5 triệu VNĐ
2.1.9	Quảng trường + sân chính			
	- Cả ngày (8 giờ), quy mô khách <=500 người	VNĐ/ngày	105.000.000	Trong đó dịch vụ hỗ trợ trọn gói là 20 triệu VNĐ
	- Cả ngày (8 giờ), quy mô khách >500 người	VNĐ/ngày	120.000.000	
	- Nửa ngày (4 giờ), quy mô khách <=500 người	VNĐ/nửa ngày	71.250.000	Trong đó dịch vụ hỗ trợ trọn gói là 15 triệu VNĐ
	- Nửa ngày (4 giờ), quy mô khách > 500 người	VNĐ/nửa ngày	90.000.000	
2.1.10	Vườn hồng			
	- Cả ngày (8 giờ)	VNĐ/ngày	25.000.000	Trong đó dịch vụ hỗ trợ trọn gói là 5 triệu VNĐ
	- Nửa ngày (4 giờ)	VNĐ/nửa ngày	18.500.000	Trong đó dịch vụ hỗ trợ trọn gói là 3.5 triệu VNĐ
<b>2.2</b>	<b>Chi phí nhân sự hỗ trợ</b>			
2.2.1	Bảo vệ	VNĐ/ngày	500.000	
2.2.2	Housekeeping	VNĐ/ngày	500.000	
2.2.3	Kỹ thuật	VNĐ/ngày	1.000.000	
2.2.4	Chuyên viên IT	VNĐ/ngày	1.000.000	
2.2.5	Hành chính	VNĐ/ngày	500.000	
2.2.6	Quản lý	VNĐ/ngày	1.000.000	
<b>3</b>	<b>Cho thuê phòng ở trong Ký túc xá (Bao gồm đầy đủ dịch vụ: internet, điện, nước, dọn phòng, bể bơi, gym...)</b>			
<b>3.1</b>	<b>Ngắn hạn</b>			
3.1.1	Căn hộ cho Khách/Giáo sư (52m <sup>2</sup> , 2 phòng ngủ)	VNĐ/căn/đêm	1.800.000	
3.1.2	Căn hộ sinh viên cao học (28m <sup>2</sup> , 2 giường đơn)	VNĐ/căn/đêm	1.100.000	
3.1.3	Căn hộ sinh viên đại học (48m <sup>2</sup> , 8 giường)	VNĐ/căn/đêm	2.000.000	
<b>3.2</b>	<b>Dài hạn (2 tháng trở lên)</b>			
3.2.1	Căn hộ cho Khách/Giáo sư (52m <sup>2</sup> , 2 phòng ngủ)	VNĐ/căn/tháng	13.500.000	
3.2.2	Căn hộ sinh viên cao học (28m <sup>2</sup> , 2 giường đơn)	VNĐ/căn/tháng	8.000.000	
3.2.3	Căn hộ sinh viên đại học (48m <sup>2</sup> , 8 giường)	VNĐ/người/tháng	3.200.000	

STT	Dịch vụ	Đơn vị tính	Đơn giá (đã gồm VAT)	Ghi chú
<b>4</b>	<b>Bảng giá tiện ích khác</b>			
4.1	<b>Kho (không bao gồm điện, giá kê)</b>	VNĐ/m2/tháng	100.000	
4.2	<b>Sân bóng (bao gồm sân, điện chiếu sáng, WC khu vực sân vận động)</b>			
4.2.1	Sân 7 người (trước 17h)	VNĐ/120 phút	850.000	
4.2.2	Sân 7 người (sau 17h)	VNĐ/120 phút	1.000.000	
4.2.3	Sân 9 người (~2 sân 7 người, trước 17h)	VNĐ/120 phút	1.400.000	
4.2.4	Sân 9 người (~2 sân 7 người, sau 17h)	VNĐ/120 phút	1.600.000	
4.3	<b>Sân tennis (bao gồm sân, điện chiếu sáng, WC khu vực sân vận động)</b>			
4.3.1	Giờ cao điểm (14-22h)	VNĐ/giờ	200.000	
4.3.2	Giờ thấp điểm (trước 14h)	VNĐ/giờ	150.000	
4.4	<b>Chỗ đặt máy rút tiền tự động (ATM)</b>	VNĐ/tháng	2.000.000	
4.5	<b>Chỗ đặt máy bán hàng tự động</b>	VNĐ/tháng/máy	500.000	
4.6	<b>Chỗ đỗ xe</b>			
4.6.1	Ô tô (dưới 16 chỗ)	VNĐ/xe/tháng	1.500.000	
4.6.2	Ô tô (từ 16 chỗ trở lên)	VNĐ/xe/tháng	2.500.000	
4.6.3	Ô tô qua đêm (từ 18h - 8h sáng hôm sau)	VNĐ/xe/tháng	1.000.000	
4.7	<b>Chụp ảnh ngoại cảnh trường</b>			
4.7.1	Chụp ảnh không vì mục đích kinh doanh			
	- Ảnh cưới, ảnh kỷ niệm cá nhân	VNĐ/buổi	5.000.000	
	- Ảnh sự kiện khác, không vì mục đích kinh doanh (kì yếu, họp lớp, sinh nhật ...)	VNĐ/buổi	7.000.000	
4.7.2	Chụp ảnh vì mục đích kinh doanh			
	- Thương hiệu nhỏ (shop quần áo...)	VNĐ/buổi	15.000.000	
	- Thương hiệu lớn (ngân hàng, chuỗi thời trang, sản phẩm tiêu dùng...)	VNĐ/buổi	20.000.000	
4.8	<b>Xe bus tuyến cố định</b>	VNĐ/tháng/người	2.000.000	

## H. BIỂU PHÍ SẢN PHẨM CỦA TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ 3D TRONG Y HỌC

- Đối tượng áp dụng: Khách mua trong và ngoài Tập đoàn.
- Thời gian thu phí: Theo điều khoản Hợp đồng/Thỏa thuận cụ thể.
- Biểu phí

STT	Sản phẩm	Đơn vị tính	Loại sản phẩm	Đơn giá (chưa bao gồm VAT)
1	Mô hình 3D khuyết sọ (bao gồm miếng âm bản ép khuôn miêng vá sọ, mô hình sọ khuyết)	VNĐ/sản phẩm	Tiêu chuẩn	6.875.000
			Cấp cứu	8.125.000
2	Bản kế hoạch số hóa 3D	VNĐ/sản phẩm		5,500,000
3	Bộ trợ cụ phẫu thuật 3D	VNĐ/sản phẩm		10,000,000
4	Mô hình giải phẫu bệnh lý	VNĐ/sản phẩm	Minh họa	6.000.000
		VNĐ/sản phẩm	Đơn giản	13.000.000
		VNĐ/sản phẩm	Phức tạp	25.000.000